

Số: **779**/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **04** tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Nâng cấp, sửa chữa hồ thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính, quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 97/TTr-STC ngày 29 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

1. Công trình: Nâng cấp, sửa chữa hồ thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô.
2. Chủ đầu tư: UBND huyện Krông Nô.
 - Đại diện Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án huyện Krông Nô (nay là Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô).
3. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô.
4. Thời gian thi công:
 - Gói thầu số 01: Ngày khởi công: 10/7/2013. Ngày hoàn thành: 14/3/2017. Ngày nghiệm thu hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng: 29/3/2018.
 - Gói thầu số 02: Ngày khởi công: 10/7/2013. Ngày hoàn thành: 19/5/2017. Ngày nghiệm thu hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng: 31/01/2018.
 - Gói thầu số 03: Ngày khởi công: 18/9/2017. Ngày hoàn thành: 27/12/2017. Ngày nghiệm thu hoàn thành công trình bàn giao đưa vào sử dụng: 06/3/2019.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	57.321.773.983	54.891.723.000	2.430.050.983
- Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương (Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng)	57.321.773.983	54.891.723.000	2.430.050.983

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
Tổng số	61.280.000.000	57.321.773.983
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	12.062.995.000	9.512.173.983
- Chi phí xây dựng	44.517.801.000	43.995.015.000
- Chi phí thiết bị	121.532.000	121.531.000
- Chi phí quản lý dự án	815.247.000	748.710.000
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.905.749.000	2.327.867.000
- Chi phí khác	856.676.000	616.477.000
- Chi phí dự phòng	0	0

Tổng chi phí đầu tư được quyết toán (bằng chữ): Năm mươi bảy tỷ, ba trăm hai mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng.

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	57.321.773.983			
- Tài sản dài hạn (Tài sản cố định)	57.321.773.983			
- Tài sản ngắn hạn	0			

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	57.321.773.983	
- Vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương (Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng)	57.321.773.983	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán (ngày 11/9/2018) là:

- Tổng nợ phải trả: 2.951.536.600 đồng.

- Tổng nợ phải thu: 521.485.617 đồng.

c) Thu hồi số tiền phải thu nêu trên nộp trả ngân sách Nhà nước.

d) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán, tính chính xác của khối lượng do Chủ đầu tư, nhà thầu và đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán, tính phù hợp của đơn giá do Chủ đầu tư, nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng và chất lượng công trình.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Tổng số	57.321.773.983	0
UBND huyện Krông Nô	57.321.773.983	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

a) Ban quản lý dự án, đơn vị tư vấn giám sát: Chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán.

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, dự toán, tổng dự toán: Chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về tính pháp lý và chính xác của kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn thanh toán theo đúng quy định.



Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Krông Nô; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *he*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các PCVP UBND tỉnh;
 - Công TTĐT tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN, KTTH(Hg).
- 2*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bốn
Nguyễn Bốn

PHỤ LỤC CHI TIẾT CÁC KHOẢN CÔNG NỢ

Công trình: Nâng cấp, sửa chữa hồ thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô

(Kèm theo Quyết định số 779 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung chi phí	Giá trị quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng đến ngày 11/9/2018	Công nợ	
				Phải trả	Phải thu
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI)	57.321.773.983	54.891.723.000	2.951.536.600	521.485.617
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	9.512.173.983	9.927.587.600		
II	Xây lắp	43.995.015.000	42.434.164.920	1.560.850.080	
1	Gói thầu số 01: Trục 1 + Trục 2 + Điện	19.473.147.000	19.455.375.920	17.771.080	
2	Gói thầu số 02: Trục 3 + Bến thuyền + Điện	17.731.469.000	17.731.469.000		
3	Gói thầu số 03: Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè, cây xanh, hệ thống an toàn giao thông và hệ thống điện chiếu sáng, Hạng mục: Nâng cấp đường Phan Bội Châu (bổ sung)	6.790.399.000	5.247.320.000	1.543.079.000	
III	Chi phí thiết bị (Gói thầu số 01)	121.531.000	121.531.000		
IV	Chi phí QLDA	748.710.000	232.050.000	516.660.000	
V	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.327.867.000	1.943.228.480	484.638.520	100.000.000
1	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư	227.092.000	193.000.000	34.092.000	
2	Chi phí khảo sát lập thiết kế BVTC-DT	917.616.000	900.000.000	17.616.000	
3	Chi phí khảo sát, lập thiết kế BVTC-DT (gói bổ sung từ nguồn dự phòng)	103.707.000		103.707.000	
4	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC-DT	82.637.000	82.637.000		
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSĐT TCXD	62.720.000		62.720.000	
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSĐT (gói bổ sung từ nguồn dự phòng)	18.749.000		18.749.000	
7	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu TCXD (gói bổ sung từ nguồn dự phòng)	5.419.000		5.419.000	



8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	719.006.000	571.463.480	147.542.520	
9	Chi phí giám sát thi công xây dựng (gói bổ sung từ nguồn dự phòng)	190.921.000	96.128.000	94.793.000	
10	Chi phí chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình		100.000.000		100.000.000
VI	Chi phí khác	616.477.000	233.161.000	389.388.000	6.072.000
1	Chi phí hạng mục chung (gói bổ sung từ nguồn dự phòng)	245.221.000	122.610.000	122.611.000	
2	Lệ phí thẩm định dự án	5.295.000	11.367.000		6.072.000
3	Lệ phí thẩm định điều chỉnh dự án				
4	Lệ phí thẩm định thiết kế BVTC-DT (gói bổ sung từ nguồn dự phòng)	12.010.000	12.010.000		
5	Chi phí bảo hiểm công trình	87.174.000	87.174.000		
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng (gói bổ sung từ nguồn dự phòng)	2.121.000		2.121.000	
7	Chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán	264.656.000		264.656.000	